

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn V Hết.

2. Bà Đinh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Toàn T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tạ Toàn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ H tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh Đông (nay là xã Bình Khánh), huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/4/1991. Sau khi thành hôn, anh chị sinh sống tại xã Bình Khánh, huyện M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do không thể tiếp tục chung sống nên anh và chị H sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị cũng nhiều lần trao đổi, hòa giải nhằm

mục đích hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung tên Tạ Toàn V, sinh ngày: 23/02/21991. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không tranh chấp về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, chị H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Tạ Toàn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Mỹ H có nơi cư trú tại ấp PD, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh Tạ Toàn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Tạ Toàn T, chị Nguyễn Thị Mỹ H theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Toàn T và chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh Đông (nay là xã Bình Khánh), huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/4/1991 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, anh T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2023 đến nay, anh T và chị H sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, chị H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị và anh T, cũng như chị H không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống

chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là Tạ Toàn V, sinh ngày: 23/02/21991, hiện tại con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Chị H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày anh và chị H không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Toàn T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Toàn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Anh Tạ Toàn T và chị Nguyễn Thị Mỹ H có một con chung là Tạ Toàn V, sinh ngày: 23/02/21991. Hiện con chung đã thành niên, anh Tạ Toàn T và chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Tạ Toàn T và chị Nguyễn Thị Mỹ H không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Tạ Toàn T và chị Nguyễn Thị Mỹ H không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Tạ Toàn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005350 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh Tạ Toàn T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Bình Khánh;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân